

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/HSST
Ngày: 27/7/2018.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Hoàng Hải

2/ Ông Huỳnh Thanh Vũ

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phan Thành Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, Thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Tùng Linh- Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ, đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 31/2018/HSST ngày 29 tháng 6 năm 2018, đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **Lê văn Tr** - Sinh năm 1992; Giới tính: Nam

- Nơi sinh: Thuận Hưng, Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ

- ĐKKHKT: ấp 4, xã Thới Hưng, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- Chỗ ở hiện nay: Ấp 4, xã Thới Hưng, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- Nghề nghiệp: Làm thuê

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

- Trình độ học vấn: 6/12.

- Cha: Lê Văn B - Sinh năm: 1972 (còn sống).

- Mẹ: Nguyễn Thị Tuyết M – Sinh năm: 1975 (còn sống).

- Vợ: Phan Thị Th, sinh năm 1995

- Con: 01 người - sinh năm 2011

- Tiền án: 02 tiền án.

Ngày 13/9/2012 bị Toà án nhân dân quận Thốt Nốt xử phạt 03 năm tù giam về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 26/8/2014. Chưa xoá án tích.

Ngày 29/9/2015 bị Toà án nhân dân huyện Cờ Đỏ xử phạt 02 năm tù giam về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 29/4/2017. Chưa xoá án tích.

- Tiền sự: Chưa

- Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/02/2018 cho đến nay (có mặt).

2/ Họ và tên: **Trịnh Gia L** – sinh ngày 16/3/2000; Giới tính: Nam

- Nơi sinh: Tân Phú, Cái Răng, thành phố Cần Thơ

- ĐKKHKT: ấp 2, xã Thới Hưng, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- Chỗ ở hiện nay: Ấp 2, xã Thới Hưng, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/12.

- Cha: Trịnh Hiền Đ- Sinh năm: 1974 (còn sống).

- Mẹ: Nguyễn Thị Bích S – Sinh năm: 1980 (còn sống).

- Bản thân bị cáo chưa có vợ con.

- Tiền án, tiền sự: Chưa

- Bị cáo tại ngoại có mặt tại toà.

- Người đại diện hợp pháp: Ông Trịnh Hiền Đ và bà Nguyễn Thị Bích S (vắng mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Ngọc Long Uyên – Trợ giúp viên pháp lý nhà nước, Tr tâm trợ giúp pháp lý thành phố Cần Thơ.

Người bị hại:

1/ Anh Trần Văn C, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Thạnh Phước 2, xã Tr Thạnh, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

2/ Anh Trần Văn T, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã Thới Hưng, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Trịnh Gia L, sinh ngày 29/01/2003 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 2, xã Thới Hưng, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

2/ Nguyễn Văn L, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu vực Tân Lợi 1, phường Tân Hưng, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

3/ Võ Thị Thanh X, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực Tân Lợi 1, phường Tân Hưng, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

4/ Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 4, xã Thới Hưng, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

5/ Trịnh Hiền Đ, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã Thới Hưng, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

6/ Trần Ngọc A, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực Tân Lợi 1, phường Tân Hưng, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

7/ Lê Thanh H, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 4, xã Thới Hưng, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

8/ Dương Minh T, sinh ngày 01/01/2001 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 7, xã Thới Hưng, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ

9/ Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Đông Lợi, xã Đông Hiệp, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ

Người làm chứng:

01 /Nguyễn Hoàng Anh Kh, sinh năm 1994 (có mặt)

Địa chỉ :Ấp 7, xã Thới Hưng, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ

2/ Đỗ Văn K, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Thạnh Phước 2, xã Tr Thạnh, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

3/ Lê Văn T, sinh năm 1999 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 7, xã Thới Hưng, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

4/ Trần Phú Đ, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã Thới Hưng, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

5/ Trần Tuấn A, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã Thới Hưng, huyện Cờ Đỏ, thành phố cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ, ngày 14/12/2017 Lê văn Tr điều khiển xe mô tô biển số 65K1-100.09 chở phía sau là Trịnh Gia L đi trên tuyến lộ chuyên dùng thuộc Nông Trường Sông Hậu thành phố Cần Thơ. Khi đi đến đoạn thuộc ấp 7, xã Thới Hưng, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ, Tr phát hiện xe mô tô biển số 65N2-1180 của anh Trần Văn C để cập lề lộ không có ai trông coi liền nảy sinh ý định chiếm đoạt. Tr lén tháo dây điện ở cổ xe, đập nổ máy và điều khiển xe vừa trộm được còn L thì điều khiển xe của Tr đến nhà của Nguyễn Văn L thuộc Khu vực Tân Lợi 1, phường Tân Hưng, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ để gửi, sau đó Tr lấy xe này chạy về trả

cho Lê Thanh H. Đối với chiếc xe trộm được L và Lúa đem đi rửa và thay mới một số bộ phận rồi đưa cho vợ Lúa là Võ Thị Thanh X đem cầm tại tiệm cầm đồ thuộc địa bàn phường Tân Hưng, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ được 1.200.000 đồng, X đưa toàn bộ số tiền này cho Lúa mua ma túy sử dụng cùng với Tr và L tại nhà của Tr. Sau khi nhận được tin báo mất tài sản của anh C, Công an xã Thới Hưng tiến hành điều tra, xác minh đối với Lê văn Tr. Tại Cơ quan Công an, Tr đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội cùng với Trịnh Gia L. Tr giao nộp một điện thoại Mobistar B221 của anh C để trong cốp xe mà Tr lấy trộm; anh Trần Ngọc A giao nộp 01 xe Wayec màu đỏ - đen, 01 giấy chứng minh nhân dân tên Võ Thị Thanh X, 01 giấy đăng ký xe mô tô tên Nguyễn Văn T, 01 biên nhận cầm đồ.

Trong lúc được tại ngoại điều tra vào khoảng 12 giờ ngày 02/3/2018 Trịnh Gia L điều khiển xe mô tô biển số 65P5-8754 của Nguyễn Văn Tr chở phía sau là Trịnh Gia L – sinh năm 2003 đến ấp 2, xã Thới Hưng, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ trộm 01 con gà trống của anh Trần Văn T, L đem xe về trả cho Tr và nhờ Dương Minh T điều khiển xe mô tô biển số 65FA – 7250 chở đến quận Ô Môn bán con gà trộm được với số tiền 400.000 đồng, L đã tiêu xài cá nhân hết số tiền này.

Tại bản kết luận số 02/KL.HĐ-ĐG ngày 05/01/2018 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự của Ủy ban nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ, kết luận: 01 xe mô tô biển số 65N2—1180 hiệu Wayec màu đỏ - đen – bạc có trị giá 2.200.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Mobistar B221 màu trắng có giá trị 70.000 đồng.

Tại bản kết luận số 23/KL.HĐ-ĐG ngày 21/5/2018 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự của Ủy ban nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố cần Thơ, kết luận: 01 con gà trống màu đỏ, chân trắng, cân nặng 2,3kg có giá trị 276.000 đồng.

Cơ quan cảnh sát điều tra trả cho anh Trần Văn C 01 xe mô tô biển số 65N2 – 1180, 01 điện thoại Mobistar B221, 01 giấy đăng ký xe mô tô tên Nguyễn Văn T.

Anh Trịnh Hiền Đ, chị Nguyễn Thị Tuyết M đã bồi thường cho anh C số tiền 2.000.000 đồng; bồi thường cho ông T 1.500.000 đồng. Anh C, anh T không yêu cầu bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho Lê văn Tr, Trịnh Gia L.

Đối với anh Trần Ngọc A khi cầm xe không biết đây là tài sản trộm, anh A cũng không yêu cầu Tr, L phải trả số tiền 1.200.000 đồng.

Các vật chứng đang lưu giữ: 01 biên nhận cầm xe mô tô biển số 65N2 – 1180 của dịch vụ cầm đồ Nhựt Long; 01 giấy chứng minh nhân dân tên Võ Thị Thanh X; tiền Việt Nam 1.000.000 đồng do thu lợi bất chính từ việc trộm xe, trộm gà của L và L do anh Đ (cha của L, L) giao nộp.

Tại bản cáo trạng số 24/CT-VKSCĐ ngày 28 tháng 6 năm 2018, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ truy tố bị cáo Lê văn Tr về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ L hình sự năm 1999; Trịnh Gia L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ L hình sự năm 1999.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố, trình bày lời luận tội, đánh

giá tính chất, mức độ và hậu quả nguy hiểm cho xã hội cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với Lê văn Tr; Trịnh Gia L và đề nghị: Tuyên bố bị cáo Lê văn Tr; Trịnh Gia L phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo Điều 138 Bộ L hình sự năm 1999.

Về hình phạt:

- Đối với Lê văn Tr: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ L Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Tr từ 03 năm tù giam đến 04 năm tù giam;

- Đối với Trịnh Gia L: Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, p, h khoản 1, khoản 2 Điều 46 Điều 33 Bộ L Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo L từ 06 tháng tù giam đến 09 tháng tù giam;

Về xử lý vật chứng:

Trả 01 giấy chứng minh nhân dân tên Võ Thị Thanh X cho Võ Thị Thanh X.

Trả Tiền Việt Nam 1.000.000 đồng cho anh Trịnh Hiền Đ (cha của L, L) giao nộp.

Các bị cáo không tranh luận, không nói lời nói sau cùng.

Các bị hại vắng mặt do quá trình điều tra đã nhận được tài sản và được các bị cáo bồi thường nên không có yêu cầu gì thêm.

Người bào chữa cho bị cáo Trịnh Gia L: Thống nhất với Viện kiểm sát về tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ L Hình sự năm 1999 cho bị cáo, vì quá trình điều tra cũng như tại toà bị cáo thể hiện sự ăn năn, nhận biết được lỗi lầm của mình, gia đình bị cáo khó khăn về kinh tế từ đó thiếu sự quản lý giáo dục đối với bị cáo, bản thân bị cáo phạm tội lúc chưa thành niên do nhận thức chưa đúng đắn về pháp L, sau khi bị phát hiện hành vi phạm tội bị cáo có tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho các bị hại, các bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo, do bị cáo có nhiều tính tiết giảm nhẹ nên đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ L hình sự năm 1999 xử dưới khung hình phạt đối với bị cáo.

Viện kiểm sát tranh luận: Không đồng ý quan điểm bào chữa của người bào chữa cho bị cáo L vì L không biết ăn năn hối cải, trong thời gian tại ngoại điều tra bị cáo tiếp tục trộm cắp tài sản của người khác nên không thể áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ L Hình sự năm 1999. Do truy tố bị cáo ở khung thấp nhất của Điều L nên không thể áp dụng Điều 47 đối với bị cáo L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Tại tòa hôm nay các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như trong quá trình điều tra.

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện các hành vi Tố tụng và các Quyết định Tố tụng đúng quy định về trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại tòa, lời khai nhận của các bị cáo là phù hợp với các chứng cứ và tài liệu đã được thu thập trong quá trình điều tra. Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận: Để có

tiền tiêu xài cá nhân, nên khoảng 11 giờ, ngày 29/12/2017 các bị cáo Lê văn Tr, Trịnh Gia L có hành vi lén lút lợi dụng sự sơ hở tài sản của bị hại đã lấy trộm của anh Trần Văn C 01 xe mô tô biển số 65N2 -1180 đậu bên đường, trên xe có 01 điện thoại di động hiệu Mobistar B221. Tài sản mà bị cáo chiếm đoạt qua định giá có tổng giá trị là 2.270.000 đồng. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xem thường pháp L, làm mất an ninh trật tự tại địa phương, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp L hình sự bảo vệ. Đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo Điều 138 Bộ L Hình sự.

[3] Đối với bị cáo Tr có nhân thân xấu từng bị Toà án xét xử 02 lần về tội trộm cắp tài sản vào năm 2012; 2015. Sau khi chấp hành hình phạt chưa được xóa án tích nay tiếp tục trộm cắp tài sản nên trường hợp này là tái phạm nguy hiểm theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ L Hình sự năm 1999. Xét bị cáo quá trình chấp hành án trong thời gian dài nhưng không cải sửa được bản thân, do vậy lần tái phạm này cần phải có mức hình phạt thật nghiêm khắc để bị cáo nhận thức được hành vi sai trái của mình mà có thái độ cải sửa bản thân trở thành người có ích cho xã hội.

[4] Quá trình điều tra bị cáo Tr thành khẩn khai báo, tự nguyện bồi thường cho các bị hại khắc phục hậu quả, các bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, Hội đồng xét xử xem đây là các tình tiết giảm nhẹ trong quá trình quyết định hình phạt đối với bị cáo. Với các căn cứ trên Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ L hình sự năm 1999. Tuyên bố bị cáo Lê văn Tr phạm tội “Trộm cắp tài sản”, xử phạt bị cáo Tr 4 năm tù giam.

[5] Đối với bị cáo Trịnh Gia L tham gia cùng với bị cáo Tr trộm cắp tài sản, trong thời gian này bị cáo chưa thành niên, được hưởng sự khoan hồng của nhà nước, được cho tại ngoại trong quá trình điều tra, nhưng bị cáo không thể hiện sự ăn năn, hối cải về lỗi lầm của mình, tiếp tục lôi kéo Trịnh Gia L là em ruột của bị cáo thực hiện hành vi trộm tài sản của của anh Lê Văn T bán lấy tiền tiêu xài. Bị cáo trong độ tuổi thanh niên, là lực L lao động trẻ của xã hội, nhưng không lo học tập, rèn luyện bản thân lại học tập thói xấu của bạn bè, sử dụng ma túy trái phép, vì thiếu tiền để phục vụ cho nhu cầu bất chính của bản thân đã trở thành phần tử xấu trong xã hội, tham gia trộm cắp tài sản. Để bị cáo nhận thức được hành vi và có thời gian cải sửa bản thân, xét cần phải cách ly xã hội đối với bị cáo mới đủ sức răn đe, giáo dục đối với bị cáo. Quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, gia đình khắc phục hậu quả cho các bị hại đồng thời các bị hại có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo, khi xem xét hình phạt Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết này để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo. Với các căn cứ trên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, p, h khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 74; Điều 69 Bộ L hình sự năm 1999. Tuyên bố bị cáo Trịnh Gia L phạm tội “Trộm cắp tài sản”, xử phạt bị cáo L 06 tháng tù giam.

[6] Trên cơ sở đó, quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quyết định hình phạt đối với các bị cáo là có cơ sở, đúng quy định của pháp L. Người bào chữa cho bị cáo L đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo L là biết ăn năn hối cải là không đúng vì bị cáo đang trong giai đoạn điều tra lại tiếp tục

trộm tài sản người khác chứng tỏ bị cáo chưa biết ăn năn hối cải đối với lỗi lầm của mình.

[7] Về phần trách nhiệm dân sự: Do các bị hại đã nhận lại tài sản và được bồi thường nay không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 41 Bộ L Hình sự 1999 và Điều 106 Bộ L Tổ tụng hình sự năm 2015:

- Trả 01 giấy chứng minh nhân dân tên Võ Thị Thanh X cho Võ Thị Thanh X.
- Trả lại Tiền Việt Nam 1.000.000 đồng anh Đ (cha của L, L) giao nộp do đã bồi thường cho các bị hại xong.

[9] Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố :

1/ Lê văn Tr phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Căn cứ Điểm c khoản 2 Điều 138; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 33 Bộ L hình sự năm 1999. Xử phạt Lê văn Tr 4 năm tù giam. Thời hạn tù được tính từ ngày 12/02/2018.

2/ Trịnh Gia L phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Căn cứ khoản 1 Điều 138; điểm b, p, h khoản 1, 2 Điều 46; Điều 33; Điều 74; Điều 69 Bộ L hình sự năm 1999. Xử phạt Trịnh Gia L 06 tháng tù giam. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3/ Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 41 Bộ L Hình sự 1999 và Điều 106 Bộ L Tổ tụng hình sự năm 2015:

- Trả 01 giấy chứng minh nhân dân tên Võ Thị Thanh X cho Võ Thị Thanh X.
- Trả lại tiền Việt Nam 1.000.000 đồng cho anh Trịnh Hiền Đ (cha của L, L) giao nộp.

5/ Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ L Tổ tụng Hình sự 2015; Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

- Buộc bị cáo Lê văn Tr phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Buộc bị cáo Trịnh Gia L phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp L. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ khi nhận được bản án, hoặc được niêm yết theo quy định của pháp L.

Nơi nhận:

- TAND TP.CT;
- VKS H. Cờ Đỏ;
- THA H. Cờ Đỏ;
- Những người TGTT;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa

Nguyễn Đăng Khoa